

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Viết Nhâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Song	Thành viên
Ông Phạm Hữu Tấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Phương.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 1



Phạm Hữu Tấn
Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Số: 38 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại ngày 25/02/2019.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3360-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.299.507.195	58.898.100.532
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.002.080.773	43.125.459.284
Tiền	111		9.002.080.773	5.125.459.284
Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	38.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.262.675.539	14.775.353.194
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.558.195.411	12.538.485.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	224.000.000	2.482.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	462.886.171	731.304.917
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(982.406.043)	(976.937.243)
Hàng tồn kho	140		968.403.364	997.288.054
Hàng tồn kho	141	10	968.403.364	997.288.054
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.347.519	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	66.347.519	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		309.934.130.930	313.281.324.763
Các khoản phải thu dài hạn	210		791.300.000	984.876.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	791.300.000	984.876.000
Tài sản cố định	220		304.187.829.825	305.554.812.733
Tài sản cố định hữu hình	221	11	304.187.829.825	305.554.812.733
- Nguyên giá	222		510.737.979.699	495.135.420.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.550.149.874)	(189.580.607.341)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	-	799.353.183
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	799.353.183
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.464.390.000	4.964.390.000
Đầu tư vào công ty con	251		3.294.390.000	3.294.390.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.670.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		490.611.105	977.892.847
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	55.199.236	65.234.836
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		435.411.869	912.658.011
TỔNG TÀI SẢN	270		354.233.638.125	372.179.425.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		84.040.563.512	110.781.818.382
Nợ ngắn hạn	310		30.251.963.512	28.584.818.382
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.667.333.450	1.489.122.143
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	15.778.553	647.927.316
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	722.847.240	2.189.018.953
Phải trả người lao động	314		13.149.114.905	12.037.268.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	120.000.000	75.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	2.408.400.000	2.408.400.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	315.000.000	10.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	8.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	2.000.000.000	3.100.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.853.489.364	628.080.974
Nợ dài hạn	330		53.788.600.000	82.197.000.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	7.788.600.000	10.197.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	46.000.000.000	72.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.193.074.613	261.397.606.913
Vốn chủ sở hữu	410	22	270.193.074.613	261.397.606.913
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.293.409.113	1.849.573.685
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.363.495.500	15.011.863.228
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.280.000.000	192.746.477
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.083.495.500	14.819.116.751
TỔNG NGUỒN VỐN	440		354.233.638.125	372.179.425.295

Cam Ranh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	155.295.479.120	156.502.705.842
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		155.295.479.120	156.502.705.842
Giá vốn hàng bán	11	25	93.066.414.269	105.379.345.533
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.229.064.851	51.123.360.309
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.381.483.241	1.987.593.680
Chi phí tài chính	22	27	7.023.386.198	7.997.058.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.019.369.445</i>	<i>7.997.058.333</i>
Chi phí bán hàng	25	30	527.474.007	304.994.065
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	27.276.487.193	26.521.663.979
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.783.200.694	18.287.237.612
Thu nhập khác	31	28	399.033.320	407.203.273
Chi phí khác	32	29	877.103.941	179.726.419
Lợi nhuận khác	40		(478.070.621)	227.476.854
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.305.130.073	18.514.714.466
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	6.744.388.431	4.608.255.726
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	477.246.142	(912.658.011)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.083.495.500	14.819.116.751

Cam Ranh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc



Phạm Hữu Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		29.305.130.073	18.514.714.466
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.381.212.734	15.932.876.524
Các khoản dự phòng	03		5.468.800	3.253.366.919
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.016.753	(30.772.909)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.408.607.987)	(2.008.820.771)
Chi phí lãi vay	06		7.019.369.445	7.997.058.333
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.306.589.818	43.658.422.562
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.700.784.855	(842.875.103)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.884.690	(250.219.278)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.448.611.208)	13.883.324.263
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(56.311.919)	3.527.115.391
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.019.369.445)	(7.997.058.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.262.440.483)	(3.613.912.254)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	34.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.281.172.610)	(1.577.222.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.968.353.698	46.821.575.203
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.233.206.442)	(19.729.590.455)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.454.545	52.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		500.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.381.483.241	1.956.820.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.306.268.656)	(17.720.769.684)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(198.000.000)
Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.000.000.000)	(14.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.781.446.800)	(6.118.354.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.781.446.800)	(20.316.354.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	43.125.459.284	34.310.235.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.016.753)	30.772.909
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	32.002.080.773	43.125.459.284

Cam Ranh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu


Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc


Phạm Hữu Tấn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 245.018.170.000 đồng, được chia thành 24.501.817 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 187 người (tại ngày 31/12/2018 là 185 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh dịch vụ Logistic; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế, hải quan;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và sửa chữa động cơ khác);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)****1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty có sở hữu 01 Công ty con:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu tàu	51%

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ..

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng tạo ra các khoản chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 (ba mươi sáu) tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 120 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian .. năm/tháng. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

3.12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.14 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản Công ty.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**3.15 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ/sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.450.841.254	379.225.517
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.551.239.519	4.746.233.767
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	38.000.000.000
	<u>32.002.080.773</u>	<u>43.125.459.284</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	3.294.390.000	-	(*)	3.294.390.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (1)	3.294.390.000	-	(*)	3.294.390.000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-	(*)	1.670.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (2)	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Ô tô Cam Ranh	-	-	(*)	500.000.000	-	(*)
	4.464.390.000	-	(*)	4.964.390.000	-	(*)

(1) Khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh với số lượng cổ phần nắm giữ là 356.979 cổ phần trong đó 27.540 cổ phần là cổ phiếu thưởng phát hành thêm (Công ty chỉ theo dõi số lượng chứ không ghi nhận phần giá trị tăng thêm do được thưởng), tỷ lệ sở hữu tại Công ty con là 51%.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phần nắm giữ đến 01/01/2019 là 117.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 6,5%. Ngày 20/06/2019, Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng 100% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 (tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 1.801.800 cổ phiếu), Công ty nhận được 117.000 cổ phiếu tương ứng (phần cổ phiếu thưởng này chỉ ghi nhận tăng số lượng trên thuyết minh BCTC này và không ghi giá trị cổ phần nhận được). Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2019 là 234.000 cổ phiếu.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	11.558.195.411	(982.406.043)	12.538.485.520	(976.937.243)
- Công ty Cổ phần tiếp vận Khánh Hưng	-	-	3.237.240.000	-
- Công ty TNHH Đá Hóa An 1	2.823.235.150	-	1.138.420.552	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Minh Hoàng	3.722.638.882	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh	218.332.500	-	130.655.100	-
- Các đối tượng khác	4.793.988.879	(982.406.043)	8.032.169.868	(976.937.243)
Cộng	11.558.195.411	(982.406.043)	12.538.485.520	(976.937.243)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	218.332.500	-	130.655.100	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hải cảng Cam Ranh	218.332.500	-	130.655.100	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	224.000.000	2.482.500.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	133.000.000	-
- Công ty CP tư vấn xây dựng T.A.L	-	1.658.000.000
- Các đối tượng khác	91.000.000	824.500.000
Cộng	224.000.000	2.482.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	462.886.171	-	731.304.917	-
- Thuế thu nhập cá nhân	55.886.567	-	67.243.217	-
- Tạm ứng	123.600.000	-	501.100.000	-
- Bảo hiểm xã hội	88.363.135	-	82.162.250	-
- Bảo hiểm y tế	17.913.985	-	15.409.760	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.521.710	-	10.271.120	-
- Cấp ứng nhiên liệu tàu CR04 và TLA05	55.118.570	-	55.118.570	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	104.482.204	-	-	-
Dài hạn	791.300.000	-	984.876.000	-
- Tiền GPMB khu hành chính chờ khấu trừ tiền thuê đất	791.300.000	-	984.876.000	-
	1.254.186.171	-	1.716.180.917	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	984.022.043	1.616.000	984.022.043	7.084.800
- Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	457.802.124	-	457.802.124	-
- Công ty CP Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	113.319.150	-	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	-
- Phải thu các khách hàng và cá nhân khác	313.446.926	1.616.000	313.446.926	7.084.800
	984.022.043	1.616.000	984.022.043	7.084.800

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	123.490.930	-	256.899.807	-
Công cụ, dụng cụ	249.409.904	-	248.154.114	-
Hàng hóa	595.502.530	-	492.234.133	-
	968.403.364	-	997.288.054	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	455.234.655.871	27.827.351.958	10.904.211.031	1.169.201.214	495.135.420.074
- Mua trong năm	-	2.356.872.728	2.065.232.727	-	4.422.105.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.531.482.728	-	78.971.442	-	11.610.454.170
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(430.000.000)	-	(430.000.000)
31/12/2019	466.766.138.599	30.184.224.686	12.618.415.200	1.169.201.214	510.737.979.699
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(165.862.567.676)	(13.835.966.675)	(8.956.687.986)	(925.385.004)	(189.580.607.341)
- Khấu hao trong năm	(14.753.768.434)	(1.712.682.238)	(808.706.014)	(106.056.048)	(17.381.212.734)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(411.670.201)	-	(411.670.201)
31/12/2019	(180.616.336.110)	(15.548.648.913)	(9.353.723.799)	(1.031.441.052)	(206.550.149.874)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	289.372.088.195	13.991.385.283	1.947.523.045	243.816.210	305.554.812.733
31/12/2019	286.149.802.489	14.635.575.773	3.264.691.401	137.760.162	304.187.829.825

- Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.415.724.313 đồng.
- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là: 236.295.879.733 đồng (tại ngày 01/01/2019 là: 245.330.513.557 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	799.353.183
- Công trình đường công cảng - Cầu cảng, hạng mục: Bê tông xi măng đường trục nội bộ T1		256.934.091
- Mở rộng bến thủy nội địa	-	542.419.092
	-	799.353.183

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	66.347.519	-
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	66.347.519	-
Dài hạn	55.199.236	65.234.836
- Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	55.199.236	65.234.836
	121.546.755	65.234.836

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	15.778.553	647.927.316
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phúc Đạt	12.318.380	-
- Công ty TNHH Biomass Nam Long	-	233.923.000
- Công ty TNHH Thương mại Coin	-	296.846.740
- Các đối tượng khác	3.460.173	117.157.576
	15.778.553	647.927.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay dài hạn	46.000.000.000	46.000.000.000	-	26.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	46.000.000.000	46.000.000.000	-	26.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
	54.000.000.000	54.000.000.000	8.000.000.000	32.000.000.000	78.000.000.000	78.000.000.000

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo Hợp đồng tín dụng số 53815/DTDA/TD ngày 25 tháng 12 năm 2015 để đầu tư dự án xây dựng bến số 2 - Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh với các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
- + Thời hạn cho vay: 12 năm;
- + Kỳ hạn thanh toán cuối cùng: Năm 2027;
- + Lãi suất bình quân: 9,5%/năm;
- + Tài sản bảo đảm: Tài sản hình thành từ vốn vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.667.333.450	1.667.333.450	1.489.122.143	1.489.122.143
- Công ty Cổ phần dịch vụ Biển Tân Cảng	467.500.000	467.500.000	288.750.000	288.750.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh	112.953.500	112.953.500	423.695.318	423.695.318
- Các đối tượng khác	1.086.879.950	1.086.879.950	776.676.825	776.676.825
	1.667.333.450	1.667.333.450	1.489.122.143	1.489.122.143
Phải trả người bán là các bên liên quan	112.953.500	112.953.500	423.695.318	423.695.318
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cam Ranh	112.953.500	112.953.500	423.695.318	423.695.318

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	113.352.986	5.439.343.155	5.544.653.027	8.043.114
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.731.855.726	6.744.388.431	8.262.440.483	213.803.674
- Thuế thu nhập cá nhân	343.810.241	1.159.187.698	1.001.997.487	501.000.452
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	370.798.583	370.798.583	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	5.000.000	5.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	372.726.710	372.726.710	-
	2.189.018.953	14.091.444.577	15.557.616.290	722.847.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	120.000.000	75.000.000
- Trích trước chi phí khác	120.000.000	75.000.000
	120.000.000	75.000.000

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	315.000.000	10.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	305.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.000.000	10.000.000
	315.000.000	10.000.000

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.408.400.000	2.408.400.000
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	2.408.400.000	2.408.400.000
b) Dài hạn	7.788.600.000	10.197.000.000
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	7.788.600.000	10.197.000.000
	10.197.000.000	12.605.400.000

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	2.000.000.000	3.100.000.000
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	2.000.000.000	3.100.000.000
	2.000.000.000	3.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	245.018.170.000	(284.000.000)	1.779.895.685	7.690.559.727	254.204.625.412
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	14.819.116.751	14.819.116.751
- Mua lại CP đã phát hành	-	(198.000.000)	-	-	(198.000.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	69.678.000	(7.497.813.250)	(7.428.135.250)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.309.781.000)	(1.309.781.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	69.678.000	(69.678.000)	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	(6.118.354.250)	(6.118.354.250)
31/12/2018	245.018.170.000	(482.000.000)	1.849.573.685	15.011.863.228	261.397.606.913
01/01/2019	245.018.170.000	(482.000.000)	1.849.573.685	15.011.863.228	261.397.606.913
- Lãi trong năm nay	-	-	-	22.083.495.500	22.083.495.500
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	443.835.428	(13.731.863.228)	(13.288.027.800)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.506.581.000)	(3.506.581.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	443.835.428	(443.835.428)	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	(9.781.446.800)	(9.781.446.800)
31/12/2019	245.018.170.000	(482.000.000)	2.293.409.113	23.363.495.500	270.193.074.613

(*) Khoản phân phối Lợi nhuận theo nghị quyết số 01/2019/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 12/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANHSố 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	198.230.150.000	198.230.150.000
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	34.971.020.000
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	11.817.000.000
	245.018.170.000	245.018.170.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.781.446.800	6.118.354.250

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(48.200)	(48.200)
+ Cổ phiếu phổ thông	(48.200)	(48.200)
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.550.017	24.550.017
+ Cổ phiếu phổ thông	24.550.017	24.550.017
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.293.409.113	1.849.573.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	80.292,82	80.306,02

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	155.295.479.120	156.502.705.842
- Doanh thu bán hàng	26.379.006.246	31.444.542.515
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.916.472.874	125.058.163.327
	155.295.479.120	156.502.705.842
Doanh thu với các bên liên quan	2.179.413.455	2.070.708.575
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh	2.179.413.455	2.070.708.575

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	24.530.323.980	28.975.900.632
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.536.090.289	76.403.444.901
	93.066.414.269	105.379.345.533

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.560.108.441	1.137.143.871
- Lãi bán các khoản đầu tư	42.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	779.374.800	819.676.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	30.772.909
	2.381.483.241	1.987.593.680

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	7.019.369.445	7.997.058.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.	4.016.753	-
	7.023.386.198	7.997.058.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.124.746	52.000.000
- Tiền thu bồi thường	-	302.770.000
- Các khoản khác	371.908.574	52.433.273
	399.033.320	407.203.273

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí bồi thường	-	175.600.000
- Các khoản bị phạt	404.723.923	4.126.419
- Các khoản chi phí khác	472.380.018	-
	877.103.941	179.726.419

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	27.276.487.193	26.521.663.979
- Chi phí nhân viên quản lý	15.199.238.138	17.641.563.543
- Chi phí vật liệu quản lý	140.611.626	1.614.810.176
- Chi phí đồ dùng văn phòng	62.067.327	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	842.280.635	732.572.508
- Chi phí dự phòng	5.468.800	153.366.919
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.628.714.003	4.938.953.499
- Chi phí bằng tiền khác	1.398.106.664	1.440.397.334
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	527.474.007	304.994.065
- Chi phí nhân viên	396.200.000	203.020.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.537.644	40.397.178
- Chi phí bằng tiền khác	81.736.363	61.576.887
	27.803.961.200	26.826.658.044

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.926.402.540	5.839.291.637
- Chi phí nhân công	45.740.950.098	46.803.999.233
- Khấu hao tài sản cố định	17.381.212.734	15.932.876.524
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.539.654.099	32.983.572.411
- Chi phí bằng tiền khác	3.018.292.915	1.670.363.140
	95.606.512.386	103.230.102.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.305.130.073	18.514.714.466
Các khoản chi phí không được trừ	1.446.975.425	4.526.564.164
- Các khoản chi phí (phạt)	1.446.975.425	4.526.564.164
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	779.374.800	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	29.972.730.698	23.041.278.630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	5.994.546.140	4.608.255.726
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	749.842.291	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.744.388.431	4.608.255.726

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

34. SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	24.000.000.000	8.000.000.000
	24.000.000.000	8.000.000.000

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Công ty con
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức cho Tổng công ty	7.929.206.000	4.955.753.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh		
- Bán hàng hóa, dịch vụ	2.179.591.363	2.122.708.575
- Mua hàng hóa	-	-
- Mua dịch vụ	3.150.747.306	7.020.507.150
- Mua Tài sản cố định	-	279.000.000
- Nhận cổ tức	428.374.800	392.676.900
<i>Số dư với các bên liên quan</i>		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh		
Phải thu khách hàng	218.332.500	130.655.100
Phải trả người bán	112.953.500	423.695.318
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:		
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty	1.746.403.456	2.037.916.400
Cộng	1.746.403.456	2.037.916.400

35.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán.

Cam Ranh, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Hồ Nguyễn Tú Anh


Nguyễn Huy Phương




Phạm Hữu Tấn